

# CẦN NHÌN NHẬN ĐÚNG VAI TRÒ CỦA GIỚI TRÍ THỨC TRONG HOẠT ĐỘNG SÁNG CHẾ

VŨ KHẮC TRAI  
Viện Khoa học SHTT

**V**iệc bảo hộ sáng chế đã được triển khai ở nước ta từ hơn 30 năm nay<sup>1</sup>. Theo quy định pháp luật hiện hành thì ở Việt Nam, sáng chế được bảo hộ dưới hai hình thức: Bằng độc quyền sáng chế (ĐQSC) và Bằng độc quyền giải pháp hữu ích (ĐQGPHI). Bằng ĐQSC cấp cho những tổ chức, cá nhân tạo ra giải pháp kỹ thuật (dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình) có tính mới so với trình độ thế giới, có trình độ sáng tạo và có khả năng áp dụng công nghiệp, trong khi Bằng ĐQGPHI cấp cho những giải pháp kỹ thuật có tính mới so với trình độ kỹ thuật thế giới và có khả năng áp dụng công nghiệp<sup>2</sup>. Mỗi sáng chế như vậy có thể coi là một thành tựu sáng tạo kỹ thuật, góp phần vào sự nghiệp đổi mới công nghệ và sự nghiệp công nghiệp hóa của đất nước.

Để đánh giá hoạt động sáng chế (một trong những nội dung quan trọng của hoạt động sáng tạo kỹ thuật) của một quốc gia, người ta thường căn cứ vào số sáng chế được tạo ra thể hiện bằng số đơn đăng ký sáng chế đã nộp và số Văn bằng bảo hộ sáng chế đã được cấp của các tổ chức, cá nhân tại quốc gia đó.

Ở nước ta, kể từ khi triển khai việc cấp Bằng sáng chế, số đơn đăng ký sáng chế và số Văn bằng bảo hộ sáng chế của các tổ chức, cá nhân trong nước tăng trưởng liên tục qua các năm, đặc biệt là từ khi Nhà nước ban hành Luật Sở hữu trí tuệ (SHTT) năm 2005.

Theo số liệu thống kê của Cục SHTT<sup>3</sup>, tính đến cuối năm 2010, các tổ chức, cá nhân trong nước đã nộp tổng cộng 4.141 đơn đăng ký sáng

**Gần đây, trên một số báo có đề cập đến hoạt động sáng chế ở nước ta và cho rằng, vai trò của đội ngũ trí thức trong vấn đề này là rất hạn chế. Trong bài viết dưới đây, với những con số thống kê và phân tích cụ thể về tình hình đăng ký và việc cấp văn bằng bảo hộ sáng chế ở nước ta trong những năm qua, tác giả sẽ giúp bạn đọc có cái nhìn bao quát và đầy đủ hơn về những đóng góp của giới trí thức nước nhà trong vấn đề này.**

chế, trong đó có 2.545 đơn yêu cầu cấp Bằng ĐQSC và 1.596 đơn yêu cầu cấp Bằng ĐQGPHI và số Văn bằng bảo hộ sáng chế mà Cục SHTT đã cấp cho tổ chức, cá nhân Việt Nam là 948, trong đó có 418 Bằng ĐQSC và 530 Bằng ĐQGPHI.

Các sáng chế được tạo ra và nộp đơn đăng ký chủ yếu từ các nguồn sau:

***Sáng chế được tạo ra từ các trường đại học và viện nghiên cứu có hoạt động nghiên cứu - triển khai (sau đây gọi là các trường đại học và viện nghiên cứu)***

Theo kết quả tra cứu từ thư viện số về sáng chế của Cục SHTT<sup>4</sup>, tính đến tháng 8.2011, chỉ tính riêng 24 trường đại học đã có tới 188 đơn đăng ký sáng chế, trong đó có 119 đơn yêu cầu cấp Bằng ĐQSC và 69 đơn yêu cầu cấp Bằng ĐQGPHI; số Văn bằng bảo hộ sáng chế đã được cấp của các trường đại học nêu trên là 60, trong đó số Bằng ĐQSC là 35 và số Bằng ĐQGPHI là 25. Trường Đại học Bách khoa Hà Nội là trường có nhiều sáng chế nhất, với 68 đơn đăng ký sáng chế và đã được cấp 25

Văn bằng bảo hộ sáng chế các loại.

Số đơn đăng ký sáng chế và số Văn bằng bảo hộ sáng chế của các viện nghiên cứu cũng chiếm tỷ lệ khá lớn trong tổng số đơn đăng ký sáng chế và số Văn bằng bảo hộ sáng chế của cả nước. Tính đến tháng 8.2011, chỉ tính riêng 18 viện nghiên cứu được tiến hành tra cứu đã có tới 304 đơn đăng ký sáng chế (149 đơn yêu cầu cấp Bằng ĐQSC và 155 đơn yêu cầu cấp Bằng ĐQGPHI) và đã được cấp 42 Bằng ĐQSC và 32 Bằng ĐQGPHI. Đứng đầu danh sách các viện có nhiều sáng chế là Viện Công nghệ Sinh học (thuộc Viện KH&CN Việt Nam) với 58 đơn đăng ký sáng chế và được cấp 9 Văn bằng bảo hộ sáng chế các loại<sup>5</sup>.

Tác giả của hầu hết các sáng chế được tạo ra tại các trường đại học và viện nghiên cứu đều là các kỹ sư, tiến sỹ, giáo sư làm công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học. Nhiều người trong số đó là tác giả hoặc đồng tác giả của hàng chục sáng chế đã nộp đơn đăng ký sáng chế như: PGS.TS Tạ Ngọc Đôn (Trường Đại học Bách khoa Hà Nội) được ghi tên là tác giả hoặc đồng tác giả của 37 sáng chế

của Trường và đứng tên tác giả tự đăng ký 5 sáng chế khác; PGS.TS Trần Doãn Sơn, cán bộ giảng dạy Khoa Cơ khí, Trường Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh là tác giả đứng tên đăng ký 15 sáng chế và được cấp 3 Bằng ĐQSC; GS.TS Bùi Văn Ga (nguyên Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Nẵng) là tác giả và người đứng tên đăng ký 9 sáng chế và đã được cấp 6 Bằng ĐQSC; PGS.TS Nguyễn Thị Ngọc Tú (Viện Hóa học, Viện KH&CN Việt Nam) là tác giả và đồng tác giả của 7 sáng chế đăng ký tại Cục SHTT và đã được cấp 5 Bằng ĐQGPPI...

**Sáng chế được tạo ra từ các doanh nghiệp (bao gồm các công ty, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước và tư nhân, các doanh nghiệp liên doanh...)**

Từ 1983 đến tháng 8.2011, các doanh nghiệp trong cả nước đã nộp 1.003 đơn đăng ký sáng chế, trong đó có 443 đơn yêu cầu cấp Bằng ĐQSC, 560 đơn yêu cầu cấp Bằng ĐQGPPI và đã được cấp 92 Bằng ĐQSC và 278 Bằng ĐQGPPI<sup>6</sup>. Nhiều doanh nghiệp đã nộp hàng chục đơn đăng ký sáng chế trở lên như: Cơ sở vông xếp Duy Lợi (thành phố Hồ Chí Minh) nộp 28 đơn yêu cầu cấp Bằng ĐQGPPI và đã được cấp 15 Bằng ĐQGPPI; Công ty TNHH một thành viên thoát nước và phát triển đô thị Bà Rịa - Vũng Tàu nộp 22 đơn đăng ký sáng chế, đã được cấp 2 Bằng ĐQSC và 5 Bằng ĐQGPPI; Công ty cổ phần công nghệ sinh học nộp đơn đăng ký 16 sáng chế, đã được cấp 9 Bằng ĐQSC và 2 Bằng ĐQGPPI; Công ty phân lân nung chảy Văn Điển đã nộp 8 đơn đăng ký sáng chế, đã được cấp 1 Bằng ĐQSC và 5 Bằng ĐQGPPI...

Việc tạo ra sáng chế ở các doanh nghiệp đều có sự đóng góp rất quan trọng của đội ngũ chuyên gia có trình độ chuyên môn cao, đặc biệt ở những doanh nghiệp mà người đứng đầu là những trí thức, chẳng hạn như: KS Hoàng Đức Thảo, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty TNHH

một thành viên thoát nước và phát triển đô thị Bà Rịa - Vũng Tàu, là tác giả của tất cả 22 sáng chế mà Công ty này đã nộp đơn yêu cầu cấp và đăng ký bảo hộ; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần công nghệ sinh học, TS Lê Văn Tri là tác giả của tất cả 16 sáng chế mà Công ty đã nộp đơn đăng ký bảo hộ; Giám đốc Công ty phân lân nung chảy Văn Điển Bùi Quang Lanh là tác giả của 8 sáng chế đã nộp đơn đăng ký bảo hộ...

**Sáng chế được tạo ra từ các nhà sáng chế độc lập**

Tác giả sáng chế độc lập là những người tạo ra sáng chế bằng nỗ lực của bản thân (nỗ lực về trí tuệ và tài chính) và đăng ký sáng chế với nhà nước với hy vọng được xã hội thừa nhận và qua đó có thể thu lợi từ việc khai thác sáng chế dưới hình thức chuyển giao quyền sử dụng hoặc chuyển nhượng quyền sở hữu sáng chế của mình.

Số đơn yêu cầu cấp Bằng ĐQSC của các tác giả sáng chế độc lập từ năm 1983 đến 2010 là khoảng 1.350 đơn, chiếm khoảng 53% tổng số đơn của cả nước. còn số đơn yêu cầu cấp Bằng ĐQGPPI từ năm 1989<sup>7</sup> là khoảng 800 đơn, chiếm hơn 50% số đơn của cả nước.

Trình độ của các nhà sáng chế độc lập cũng rất khác nhau, trong đó không ít người có trình độ học vấn cao, được đào tạo bài bản về KH&CN, sau nhiều năm làm việc tại các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước hoặc doanh nghiệp tư nhân, khi về hưu họ sử dụng những kiến thức, kinh nghiệm sẵn có và thời gian rảnh rỗi, tiếp tục nghiên cứu giải quyết những vấn đề kỹ thuật mà khi còn tại chức họ chưa thể giải quyết hoặc tìm kiếm giải pháp cho những vấn đề kỹ thuật mới nảy sinh từ thực tiễn cuộc sống. Kết quả tra cứu cho thấy, có 14 nhà sáng chế độc lập có từ 10 sáng chế trở lên đã nộp đơn đăng ký sáng chế, điển hình là kỹ sư về hưu Lê Ngọc Khánh (thành phố Hồ Chí Minh) đã nộp 21 đơn đăng ký sáng chế, được cấp 4 Bằng ĐQSC và 2

Bằng ĐQGPPI (ngoài ra tác giả còn được cấp 2 Bằng ĐQSC của Nhật Bản); TS Đào Huân (thành phố Hồ Chí Minh) nộp 18 đơn đăng ký sáng chế, được cấp 9 Bằng ĐQSC...

Ngoài các nguồn tạo ra sáng chế kể trên, còn rất nhiều sáng chế của các nhà khoa học làm việc trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh quốc gia vì lý do bảo mật nên không được công bố.

Như vậy có thể nói, các nhà khoa học nước ta đã có những đóng góp quan trọng trong hoạt động sáng tạo kỹ thuật, thể hiện ở số đơn đăng ký sáng chế đã nộp và số Văn bằng bảo hộ sáng chế đã cấp. Tuy nhiên, để đánh giá toàn bộ hoạt động sáng chế, cần có những phân tích sâu hơn về số đơn đăng ký sáng chế đã nộp và số Văn bằng bảo hộ sáng chế đã cấp so với đội ngũ đông đảo các nhà trí thức và nhu cầu phát triển KH&CN của đất nước để tìm ra những biện pháp nhằm phát huy hơn nữa tiềm năng sáng tạo của đội ngũ này ■

### Chú thích và tài liệu tham khảo

<sup>1</sup> Nghị định 31/CP của Chính phủ về sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và sáng chế ban hành ngày 23.1.1981 mở đầu cho việc bảo hộ sáng chế.

<sup>2</sup> Khoản 12, Điều 4 và Điều 58 Luật SHTT năm 2005.

<sup>3</sup> Báo cáo thường niên Hoạt động SHTT năm 2011- Cục SHTT.

<sup>4</sup> <http://iplib.gov.vn>.

<sup>5</sup> Những số liệu về số đơn đăng ký sáng chế của các trường đại học và viện nghiên cứu có thể chưa đầy đủ, bởi lẽ nhiều sáng chế được tạo ra ở trường, viện nhưng tác giả lại đứng tên đăng ký sáng chế.

<sup>6</sup> Những số liệu về số đơn đăng ký sáng chế của các doanh nghiệp có thể chưa đầy đủ, bởi lẽ nhiều sáng chế được tạo ra tại các doanh nghiệp nhưng người đứng tên đăng ký sáng chế lại là tên riêng của chủ doanh nghiệp đó.

<sup>7</sup> Năm ban hành Nghị định 200/HĐBT về bảo hộ giải pháp hữu ích.